TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2021
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Xuân Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Ngọc Lan.

Ông Bùi Hiếu Nhường.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1982 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị Tuyết H, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Quốc tịch: Việt Nam;

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2020, bản tự khai ngày 19/02/2020 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:*

Anh và chị Võ Thị Tuyết H quen nhau qua mạng xã hội Yahoo. Sáu tháng sau đó, vào ngày 22/01/2009, anh chị tổ chức lễ đính hôn. Khoảng ngày 23 và

24/02/2010, anh chị tổ chức lễ cưới. Trước đó, anh chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01, ngày 05/02/2010. Từ sau khi cưới đến năm 2011, anh chị vẫn còn liên lạc với nhau. Tuy nhiên, từ năm 2012 đến nay, anh không còn liên lạc với chị H được nữa. Khoảng cách địa lý khiến tình cảm vợ chồng suy giảm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh khởi kiện yêu cầu:

- Về hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị Tuyết H.

- Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Võ Thị Tuyết H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải, xét xử; cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Võ Thị Tuyết H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hữu T; về con chung, tài sản chung, nợ chung: anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Hữu T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị Tuyết H nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Xin ly hôn" theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Hữu T có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với chị Võ Thị Tuyết H. Chị Võ Thị Tuyết H có quốc tịch Việt Nam nhưng đang cư trú tại Hoa Kỳ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp, tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Võ Thị Tuyết H theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nhưng chị Võ Thị Tuyết H không nộp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mà không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Võ Thị Tuyết H theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Nguyễn Hữu T và chị Võ Thị Tuyết H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01, ngày 05/02/2010 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của anh Nguyễn Hữu T, sau khi kết hôn, anh và chị Võ Thị Tuyết H vẫn còn liên lạc với nhau. Tuy nhiên từ năm 2012 đến nay, anh không còn liên lạc được với chị H. Do khoảng cách địa lý, lại thường xuyên không liên lạc với nhau khiến tình cảm vợ chồng suy giảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị H.

Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Võ Thị Tuyết H trên thực tế chỉ tồn tại trong khoảng thời gian ngắn, sau đó anh chị lại sống xa cách nhau về mặt địa lý (anh sống tại Việt Nam, chị sống tại Hoa Kỳ) khiến cho tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, nên gặp nhiều khó khăn trong việc cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình bền vững. Hơn nữa, từ năm 2012 đến nay, anh chị không còn liên lạc với nhau, bỏ lửng nhau không ai quan tâm đến ai, làm cho tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Thêm vào đó, từ khi anh Nguyễn Hữu T nộp đơn xin ly hôn đến nay, mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng chị Võ Thị Tuyết H vẫn vắng mặt không lý do, không tham gia các phiên hòa giải, xét xử, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T. Điều này cho thấy chị Võ Thị Tuyết H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Hữu T. Cả hai đã không còn tình cảm với nhau, việc kéo dài

hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho anh Nguyễn Hữu T và chị Võ Thị Tuyết H.

Từ những nhận định trên, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Võ Thị Tuyết H không còn khả năng hàn gắn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu T đối với chị Võ Thị Tuyết H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Hữu T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng được khấu trừ vào các khoản tạm ứng mà anh đã nộp nên xem như anh đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 228, điểm a, d khoản 1, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 1 và 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T được ly hôn với chị Võ Thị Tuyết H.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai số 0001267 ngày 26/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như anh đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng được khấu trừ vào các khoản tạm ứng mà anh đã nộp nên xem như anh đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hữu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Chị Võ Thị Tuyết H cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Xuân Long